

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 724/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2017

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Số: 290
ĐẾN Ngày: 24/3/17

Chuyên:

Ưu tiên số: 2

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo học viên Lào trong chỉ tiêu
hỗ trợ của tỉnh tại các Trường: Đại học Hà Tĩnh, Cao đẳng Y tế
Hà Tĩnh, Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh và Cao đẳng Văn hóa - Thể
thao và Du lịch Nguyễn Du**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Biên bản hợp tác giữa tỉnh Hà Tĩnh với các tỉnh Bolykhămxay,
Khăm Muộn - nước CHDCND Lào;

Thực hiện Văn bản của UBND tỉnh: Số 6200UBND-NC₁, Văn bản số
6201/UBND-NC₁, Văn bản số 6202/UBND-NC₁, Văn bản số 6203/UBND-NC₁
ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh nhận đào tạo học viên cho các tỉnh
Bolykhămxay, Khăm Muộn, Savannakhet và Thủ đô Viêng Chăn - nước
CHDCND Lào;

Theo đề nghị của Sở Ngoại vụ tại Văn bản số 94/SNgV-LSBG ngày
28/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chỉ tiêu đào tạo tiếng Việt và chuyên ngành 217 học viên
của các tỉnh: Bolykhămxay, Khăm Muộn, Savannakhet và Thủ đô Viêng Chăn -
nước CHDCND Lào thuộc chỉ tiêu của tỉnh hỗ trợ tại các Trường: Đại học Hà
Tĩnh, Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh và Cao đẳng
Văn hóa - Thể thao và Du lịch Nguyễn Du Hà Tĩnh, như sau:

1. Trường Đại học Hà Tĩnh:

- Đào tạo tiếng Việt: 44 học viên (trong đó tỉnh Bolykhămxay 21 học
viên, tỉnh Khăm Muộn 12 học viên, tỉnh Savannakhet 07 học viên và Thủ đô
Viêng Chăn 04 học viên);

- Đào tạo chuyên ngành: 85 học viên (trong đó tỉnh Bolykhămxay 53 học
viên, tỉnh Khăm Muộn 21 học viên và tỉnh Savannakhet 11 học viên).

2. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh:

- Đào tạo chuyên ngành: 17 học viên (trong đó tỉnh Bolykhămxay 12 học
viên và tỉnh Khăm Muộn 05 học viên).

3. Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh:

- Đào tạo tiếng Việt: 20 học viên (trong đó tỉnh Bolykhămxay 17 học
viên và tỉnh Khăm Muộn 03 học viên);

1/2
BCH
QHĐN-TT
CF1588, Đào tạo
Tư vấn
ICETC
24/3/17

left 3

- Đào tạo chuyên ngành: 43 học viên (trong đó tỉnh Bolykhămxay 29 học viên và tỉnh Khăm Muộn 14 học viên).

4. Trường Cao đẳng Văn hóa - Thể thao và Du lịch Nguyễn Du:

- Đào tạo tiếng Việt: 08 học viên của tỉnh Bolykhămxay.

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài chính tính toán, đề xuất UBND tỉnh cấp kinh phí (đào tạo, hỗ trợ chỗ ở và tiền trợ cấp hàng tháng) cho 217 học viên trong chỉ tiêu hỗ trợ của tỉnh trong thời gian học tập tại các Trường nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại vụ, Tài chính, Công an tỉnh; Hiệu trưởng các Trường: Đại học Hà Tĩnh, Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh, Cao đẳng Văn hóa - Thể thao và Du lịch Nguyễn Du và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo - TU;
- Ban Kinh tế NS HĐND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh (theo dõi VX);
- Lưu: VT, VX, NC₁;
- Gửi: Bản giấy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Quốc Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH
HỌC VIÊN TỈNH BOLYKHAMXAY, KHĂM MUỘN, THỦ ĐÔ VIENG CHAN VÀ SAVANNAKHET,
NƯỚC CHDCND LÀO HỌC TIẾNG VIỆT TRONG CHỈ TIÊU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH NĂM HỌC 2016 - 2017
(Kèm theo Quyết định số: 724/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh)

I. TỈNH BOLYKHAMXAY (21 học viên)

TT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Ngày nhập cảnh	Cửa khẩu nhập cảnh	Ghi chú
1	TAVA TEM	Nữ	01/01/1997	PA0015627	11/10/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
2	SOMPASONG THOUMMAR	Nữ	15/11/1995	P1578080	26/7/2025	19/12/2016	Cầu Treo	
3	SYSOMBATH BOUNCHAN	Nữ	07/7/1997	PA0020702	25/10/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
4	XAIYASONE SOMPHAPHONE	Nữ	16/8/1998	PA0021076	26/10/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
5	VONGDALA SOUTSADAPHONE	Nữ	11/01/1996	PA0038682	08/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
6	KEOMANIVONG PHENPHACHANH	Nữ	14/6/1998	P1243161	04/9/2018	19/12/2016	Cầu Treo	
7	PHOMMANY CHONKEONoy	Nữ	07/8/1993	PA0041819	16/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
8	XAIYAVONG OY	Nữ	20/7/1997	PA0029299	08/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
9	XAYAVONGSA LAMPHANH	Nữ	06/3/1995	PA0009745	27/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
10	PHOUVANNO PHONEPASERTH	Nam	27/12/1998	PA0022226	27/10/2026	19/12/2016	Cầu Treo	

11	VETTHANA TOBIE	Nam	23/11/1994	P1818827	28/8/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
12	CHANTHAVONGSEE FORTTY	Nam	09/01/1998	PA0020770	25/10/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
13	SIVIXAY SONETHAVY	Nam	27/8/1998	PA0037992	07/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
14	SIBOUNHEUANG TO	Nam	05/12/1994	P1487527	09/02/2025	19/12/2016	Cầu Treo	
15	XIONGYE MENGXIONG	Nam	15/11/1996	PA0039332	12/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
16	SINGYAVONG DARLY	Nam	17/10/1999	PA0039271	12/12/2021	19/12/2016	Cầu Treo	
17	SYSOUPHAN KHAMPHOUT	Nam	04/9/1997	PA0037969	07/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
18	XAISONGKHAM KHAMLA	Nam	02/12/1996	PA0038976	09/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
19	PHANDANOUVONG NANTHANA	Nam	31/10/1999	P1800595	03/8/2021	19/12/2016	Cầu Treo	
20	XAIMAVONG VANTHONG	Nam	15/10/1996	PA0040556	13/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
21	PHANNOULATH ARLOUNYANED	Nữ	27/01/1998	PA0038918	09/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	

II. TỈNH KHĂM MUỘN (12 học viên)

TT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Ngày nhập cảnh	Cửa khẩu nhập cảnh	Ghi chú
1	PHIMMASONE HUTTHAKHOUN	Nam	22/3/1998	P1824262	29/8/2026	03/01/2017	Cha Lo	
2	XAYSAVANH THEPPHAKONE	Nam	17/02/1996	P1789099	17/7/2026	03/01/2017	Cha Lo	
3	DAMVANCHA SOUTHIN	Nam	14/3/1995	P1796339	18/7/2026	03/01/2017	Cha Lo	

4	PHENGSAVANH KEOPHASEUT	Nam	22/10/1997	PA0036056	05/12/2026	03/01/2017	Cha Lo	
5	CHANSOMPHOU MINA	Nữ	16/11/1998	P0858970	03/02/2017	03/01/2017	Cha Lo	
6	PHETBOUNMY SOUKKHY	Nữ	10/8/1994	P1416486	27/8/2024	03/01/2017	Cha Lo	
7	PHETSOUPHANH PHENPHONE	Nữ	09/10/1998	P1814338	23/8/2026	03/01/2017	Cha Lo	
8	XAIYASONE POUKKY	Nam	09/6/1997	PA0028451	17/10/2026	03/01/2017	Cha Lo	
9	SOULIYAVONG SOUKSUNYA	Nữ	19/8/1998	P1789367	22/7/2026	03/01/2017	Cha Lo	
10	ONNAVONG SOUTTIMA	Nữ	04/01/2000	P1826988	05/9/2021	03/01/2017	Cha Lo	
11	KEOKONGHAN SOUKSAVAN	Nữ	27/11/1998	P1598590	27/8/2020	03/01/2017	Cha Lo	
12	YOKHANTHONE SINNOUSON	Nữ	03/3/1999	PA0027224	17/11/2021	03/01/2017	Cha Lo	

III. THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN (04 học viên)

TT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Ngày nhập cảnh	Cửa khẩu nhập cảnh	Ghi chú
1	CHANMANY SANSAY	Nam	08/7/1995	PA0036419	05/12/2026	17/12/2016	Cầu Treo	
2	PHOMMACHANH ANON	Nam	05/6/1995	PA0037634	07/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
3	VONGSAY BINLEE	Nam	13/7/1995	PA0037364	06/12/2026	19/12/2016	Cầu Treo	
4	PHACHAN SOULIVONG	Nữ	20/10/1994	P 1785423	13/7/2026	11/10/2016	Cầu Treo	

IV. SAVANNAKHET (07 học viên)

TT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Ngày nhập cảnh	Cửa khẩu nhập cảnh	Ghi chú
1	THEPHANONXAY VILAKHONE	Nam	26/3/2000	P1801880	03/8/2021	08/11/2016	Cha Lo	
2	SAYSAVANH VITAD	Nữ	15/5/1998	PA0006079	16/9/2026	08/11/2016	Cha Lo	
3	KEOMANYVANH KHAMLAR	Nữ	14/5/1999	P1802259	07/8/2021	08/11/2016	Cha Lo	
4	SIHAVONG LENOU	Nam	19/11/1998	P1808105	12/8/2026	08/11/2016	Cha Lo	
5	KENEVILAY TOLA	Nam	10/4/1994	P1651606	30/12/2021	08/11/2016	Cha Lo	
6	INSEXIENGMAY SOUTHY	Nam	02/11/1996	P1623795	14/10/2025	08/11/2016	Cha Lo	
7	PIYAVONG SENGPHACHANH	Nam	27/10/1998	P1598099	27/8/2020	08/11/2016	Cha Lo	

***Tổng cộng: 44 học viên; 04 tỉnh:** Bolykhamxay 21 học viên, Khăm Muộn 12 học viên, thủ đô Viêng Chăn 04 học viên, Savannakhet 07 học viên./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
HỌC VIÊN TỈNH BOLYKHĂMXAY, KHĂM MUỘN VÀ SAVANNAKHET, NƯỚC CHDCND LÀO
HỌC CHUYÊN NGÀNH TRONG CHỈ TIÊU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH NĂM HỌC 2016 - 2017
(Kèm theo Quyết định số: 724/QĐ-UBND, ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh)

I. TỈNH BOLYKHĂMXAY (53 học viên)

TT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Ngày nhập cảnh	Cửa khẩu nhập cảnh	Ghi chú
1	XAYKHUEYIATUA BOUNMEEXIONG	Nam	25/01/1996	P 1613829	21/9/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
2	BOUNMY	Nam	09/7/1996	P 1617649	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	.
3	CHONGYANGXIONG CHENG	Nam	16/4/1996	P 1617641	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
4	INKEOMANY LEKIMMA	Nam	12/10/1994	P 1602398	31/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
5	VILAIVAN NIVED	Nam	27/10/1996	P 1617617	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
6	KEOBOUNXAY POKKY	Nam	22/02/1996	P 1602675	31/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
7	VANNAVONG SOUTHIDA	Nữ	05/7/1997	P 0893974	08/4/2017	02/01/2017	Cầu Treo	
8	INSYSIENGMAI TONKHAM	Nam	25/8/1995	P 1590068	19/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
9	PATHOUMMAVANH XAIYACHAK	Nam	24/8/1997	P 1617611	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	

10	XAYPHAUDY ANOUSONEXAY	Nam	09/9/1998	P 1617637	01/10/2020	02/01/2017	Cầu Treo	
11	NOUANSOUK BANDEUN	Nam	05/11/1997	P 1621675	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
12	PHOMEMASAN JONENY	Nam	15/11/1996	P 1617618	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
13	LUANGSUVANNAVONG NAKHONE	Nam	02/7/1996	P 1617629	10/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
14	PHASOULARD PAVEENA	Nữ	14/12/1996	P 1617653	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
15	SEEJALERN SOUKSABIEN	Nam	02/02/1997	P 1617648	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
16	LOUANGNAM SOULATH	Nam	15/5/1996	P 1747502	08/5/2026	02/01/2017	Cầu Treo	
17	XAYYIALOVUE THONGMEE	Nam	05/11/1992	P 1617616	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
18	SAYSONGKHAM KHAMPHAN	Nam	03/5/1995	P 1617639	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
19	SIYAVONG LARN	Nam	10/8/1997	P 1617613	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
20	YODVONGSA MANGKONE	Nam	03/02/1995	P 1617654	02/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
21	XAYSONGKHAM PHANMALY	Nữ	04/9/1997	P 1617652	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
22	ANOUSONE	Nữ	04/10/1997	P 1202110	14/6/2018	02/01/2017	Cầu Treo	
23	LORKEOMANYVONG BOUNLOME	Nam	24/7/1997	P 1617924	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	Lấy chỉ tiêu 2016 - 2017
24	VONGPHOSY KONGCHAI	Nữ	07/11/1995	P 1617603	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
25	LOVANHXYAY KHANKHAM	Nữ	04/6/1996	P 1617634	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	

26	SILIVANH MALIDA	Nữ	24/3/1998	P 1617650	10/10/2020	02/01/2017	Cầu Treo	
27	HEMMAVAN VONGPHACHAN	Nữ	16/9/1996	P 1621673	14/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
28	SOUVANNAMONGKHOUN NAVALAD	Nữ	18/01/1998	P 1610022	13/9/2020	02/01/2017	Cầu Treo	
29	INTHAVONG MEENA	Nam	10/8/1996	P 1617619	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
30	PHOUDTHAMA PAKAYFAH	Nữ	03/6/1998	P 1617612	01/10/2020	02/01/2017	Cầu Treo	
31	PHENGPHACHANH ANULACK	Nữ	14/02/1998	P 1617653	03/10/2020	02/01/2017	Cầu Treo	
32	PHANDANOUVONG ALOUNDED	Nam	25/11/1996	P 1585791	09/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
33	KHOUNKEO KITO	Nam	26/10/1996	P 1617657	02/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
34	PHOSAVANG MO	Nam	16/3/1996	P 1621674	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
35	PHONCHALEMXAY PICK	Nam	19/11/1997	P 1638800	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	Lấy chỉ tiêu 2016 - 2017
36	CHANHMANY PHIK	Nữ	17/6/1998	P 1617633	02/12/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
37	SAENGDOVONG PHOUTSADE	Nam	25/12/1996	P 1600084	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
38	CHANHAVYSOUK SONEXAY	Nam	26/8/1996	P 1617643	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
39	KHENTHAVONG SOUKSANH	Nam	04/4/1994	P 1418022	21/8/2024	02/01/2017	Cầu Treo	
40	KHOUNPHAXAY TAKE	Nam	06/02/1995	P 1617640	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
41	PANYANOUVONG	Nam	02/3/1997	P 1600500	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	

	BOUNHOME							
42	PHOMMACHAN THAVATHXAY	Nam	06/10/1997	P 1617646	01/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
43	PHON ASA OULAIPHONE	Nữ	21/6/1998	P 1617632	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
44	KEOLORKHAM NOUDTHIDA	Nữ	21/01/1996	P 1595102	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
45	VONGNALATH PHETDAVANH	Nữ	15/12/1997	P 1617663	02/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
46	PHOMMASAK XAYSAVATH	Nam	10/6/1996	P 0798570	17/11/2025	02/01/2017	Cầu Treo	
47	PHENGPHOMPENG DY NILANH	Nữ	24/8/1996	P 1017088	24/8/2025	02/01/2017	Cầu Treo	Lấy chỉ tiêu 2016 - 2017
48	VONGSAY SOUKPASEUTH	Nam	18/3/1996	P 1431489	22/9/2024	02/01/2017	Cầu Treo	Lấy chỉ tiêu 2016 - 2017
49	XAOUSITH VALISA	Nữ	05/01/1998	P 1669301	11/02/2026	02/01/2017	Cầu Treo	
50	CHANTHAVONGSA OLA	Nam	15/8/1997	P 1617660	02/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	Trường CD nghề Việt – Đức chuyển sang
51	CHIOUMUNNHALAT MALINA	Nữ	22/9/1997	P 1617680	02/10/2025	02/01/2017	Cầu Treo	Trường CD nghề Việt – Đức chuyển sang

52	LOUANGLATH DAVANH	Nữ	13/8/1998	P 1617658	02/10/2020	02/01/2017	Cầu Treo	Trường CD nghề Việt – Đức chuyển sang
53	KEOMANY TADAM	Nữ	06/02/1994	P 1443797	22/10/2024	07/02/2017	Cầu Treo	Lưu ban tiếng Việt năm học 2015 - 2016

II. TỈNH KHĂM MUỘN (21 học viên)

TT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Ngày nhập cảnh	Cửa khẩu nhập cảnh	Ghi chú
1	HEUANGPHACHANH ODAY	Nam	17/11/1996	P 1622419	18/10/2025	03/01/2013	Cha Lo	
2	MANIVONG PHOUVONG	Nam	09/12/1997	P 1627191	26/10/2025	03/01/2013	Cha Lo	
3	PHOMMAVONG CHALRUNXAY	Nam	10/12/1996	P 1616989	28/9/2025	03/01/2013	Cha Lo	
4	PHAILOME CHANTHALA	Nữ	29/10/1996	P 1623712	12/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
5	PHA ARTID KERDMEE	Nữ	02/7/1996	P 1616977	27/9/2025	03/01/2013	Cha Lo	
6	VANNABOUATHONG KHOUNMEEXAY	Nam	28/7/1998	P 1607518	03/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
7	PHANIVONG PHANITH	Nam	05/6/1995	P 1624033	21/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
8	THEPPHALA PHANTHAMITH	Nam	08/9/1997	P 1617147	03/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	

9	THENTHONGDY PHOUBETH	Nam	03/4/1997	P 1620797	30/9/2025	03/01/2013	Cha Lo	
10	NANTHAVONG SAVIVANH	Nữ	19/01/1997	P 1627091	21/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
11	NANTHAVONG SIPHOUTHONE	Nam	01/9/1997	P 1627108	21/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
12	SILIPANYATHONG SONEPHAXAY	Nam	11/01/1997	P 1622128	14/10/2025	03/01/2013	Cha Lo	
13	KEOVILAYTHONG THONGCHANH	Nam	06/10/1997	P 1627877	02/11/2025	03/01/2013	Cha Lo	
14	KHOUNYOULARD MOUKDAVANH	Nữ	01/02/1997	P 1625673	21/10/2025	03/01/2013	Cha Lo	
15	PHONHALATH PHONELIKHIT	Nam	25/5/1998	P 1585494	03/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
16	KEOMANY SONEDALAY	Nam	03/6/1998	P 1593968	22/8/2020	03/01/2013	Cha Lo	
17	XAYALATH SIMMANO	Nữ	15/02/1998	P 1147104	03/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
18	YANTHIVILAY SOULIYA	Nam	29/01/1998	P 1613299	03/10/2025	03/01/2013	Cha Lo	
19	VILAPHETH PHOUMINH	Nam	17/11/1999	P 1624064	21/10/2020	02/01/2017	Cha Lo	
20	VILAPHETH PHOUNIN	Nữ	04/11/1998	P 1624063	21/10/2020	02/01/2017	Cha Lo	
21	KATTIYAVONG SITPASEUTH	Nam	08/3/1997	P 1435170	28/9/2019	07/02/2017	Cha Lo	Lưu ban tiếng Việt năm học 2015- 2016

III. SAVANAKHET (11 học viên)

TT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Ngày nhập cảnh	Cửa khẩu nhập cảnh	Ghi chú
1	LAISYVIXAI VISOUDA	Nữ	03/3/1999	P 1594401	24/8/2020	03/01/2013	Cha Lo	
2	PHOMMATHET SILIKAIPHONE	Nam	02/10/1996	P 1601908	03/10/2025	03/01/2013	Cha Lo	
3	SOULINTHONG HATSADONG	Nam	03/10/1996	P 1609285	21/10/2025	03/01/2013	Lao Bảo	
4	SENGSOULICHANH PHONETHAVY	Nam	03/10/1997	P 1586803	30/9/2025	02/01/2017	Cha Lo	
5	XAYSITTIDETH THIDSADY	Nữ	18/5/1997	P 1593141	16/8/2025	03/01/2013	Cha Lo	
6	VILAYSACK LATDAPHONE	Nữ	16/5/1998	P 1586746	07/8/2020	02/01/2017	Cha Lo	
7	MONELITTHIYA NOUDAENG	Nữ	19/02/1997	P 1597324	20/8/2025	02/01/2017	Cha Lo	
8	KIETTAVONG NOYNALY	Nữ	05/02/1997	P 1597172	19/8/2025	02/01/2017	Cha Lo	
9	PHENGMANVONG PHOUNGERN	Nữ	21/02/1997	P 1586766	06/8/2025	03/01/2013	Lao Bảo	
10	LORVANHKEO PHOUNTHONG	Nam	17/02/1995	P 1595104	03/10/2025	02/01/2017	Cha Lo	
11	SINTHEPPHAVONG SOUTHIDA	Nữ	14/11/1997	P 1587689	05/8/2025	02/01/2017	Cha Lo	

***Tổng: 85 học viên 03 tỉnh:** Bolykhamxay 53 học viên, Khăm Muộn 21 học viên, Savanakhet 11 học viên./.